Mẫu số 02A-HĐ-CVHM: Hợp đồng cho vay theo hạn mức ký với khách hàng là pháp nhân (kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng)

Ban hành kèm theo Công văn số 11883 /VCB-PC ngày 30/08/2023 của Tổng giám đốc về việc ban hành bộ Hợp đồng cấp tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY THEO HẠN MỨC

Số: Số: **00/2023/11971998/TT**

(Kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 2023/11971998/TT/HĐCTD ký ngày 12 tháng 09 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh và Công ty TNHH Gỗ Trường Thắng)

Hợp đồng này được ký ngày 13 tháng 09 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh giữa các bên sau đây:

BÊN CHO VAY:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100112437-054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 26/5/2017
- Địa chỉ: Số 52, đường Trần Phú, TX. Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: 02396.256.555 Fax: 02396.269.555
- Người đại diện: **Nguyễn Lâm Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau đây gọi là "Ngân hàng"

BÊN VAY:

CÔNG TY TNHH GỖ TRƯỜNG THẮNG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303574853 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 19/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21/11/2016
- Địa chỉ: 27/3 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Người đại diện: **Ông Tan Hùng Siêu** Chức vụ: Giám đốc
- Số tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam: 0641000020611 tại Ngân hàng Vietcombank Bắc Hà Tĩnh

Sau đây gọi là "Khách hàng"

Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. **Phương án Sử dụng vốn**: là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của Khách hàng được Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng.

1.2. **Giấy nhận nợ:** là văn bản do Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng hoặc văn

bản thông báo của Ngân hàng về Khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng.

1.3. **Hợp đồng:** là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số **00/2023/11971998/TT** ký ngày 13 tháng 09 năm 2023 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.

1.4. **Hạn mức Cho vay:** là hạn mức cho vay tối đa được duy trì trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này.

1.5. **Hợp đồng Cấp tín dụng:** là Hợp đồng Cấp tín dụng số **2023/11971998/TT/HĐCTD** ký ngày 12 tháng 09 năm 2023 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.

1.6. **Khoản nợ**: là số tiền được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng theo Hợp đồng này và được Ngân hàng theo dõi theo từng tài khoản vay.

1.7. **Dư nợ gốc bị Quá hạn:** bao gồm số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại khoản 6.6 Điều 6 Hợp đồng này và số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng này.

1.8. **Kỳ hạn Trả nợ:** là các khoảng thời gian trong Thời hạn Cho vay đã thỏa thuận mà vào ngày cuối cùng của mỗi khoảng thời gian đó Khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay cho Ngân hàng.

1.9. **Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ, gia hạn nợ như sau: (i) Điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay của Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận), Thời hạn Cho vay không thay đổi; (ii) Gia hạn nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay, vượt quá Thời hạn Cho vay đã thoả thuận.

1.10. **Lãi tiền vay**: bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

1.11. **Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu**: là ngày Ngân hàng giải ngân Khoản nợ lần đầu cho Khách hàng.

1.12. **Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ):** là việc Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi Nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và tài khoản khác) của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Bên Cho Vay và/hoặc các Chi nhánh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), công ty con của VCB để thu hồi nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

1.13. **Sự kiện Biến động Thị trường**: là các trường hợp thay đổi quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguyên nhân khách quan khác trực tiếp hoặc gián tiếp làm tăng chi phí huy động vốn của Ngân hàng trong các kỳ tính lãi liên quan và/hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giải ngân vốn cho vay của Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này.

1.14. **Thời hạn Cho vay:** là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến thời điểm Khách hàng phải trả hết nợ gốc và Lãi tiền vay theo Hợp đồng này. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời hạn Cho vay không phải là Ngày làm việc thì chuyển sang Ngày làm việc tiếp theo. Đối với Thời hạn Cho vay không đủ 01 (một) ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.

1.15. **Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay**: là khoảng thời gian Khách hàng được duy trì mức vay tối đa và được quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng này.

Điều 2. Khoản vay

2.1. Hạn mức Cho vay:

2.1.1 Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho Khách hàng (các) khoản tiền với hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay không vượt quá **20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng)**.

2.1.2 Hạn mức Cho vay quy định tại điểm 2.1.1 khoản 2.1 Điều này còn bao gồm cả:

☒ Số dư phát hành Thư tín dụng (L/C) có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng này.

☒ Khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng theo hợp đồng 00/2022/11971998/TT ngày 09/08/2022 giữa Ngân hàng và Khách hàng tính đến ngày ký Hợp đồng này.

2.2. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:

2.2.1. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:

☒ Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 12/09/2024.

2.2.2. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay không vượt quá Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

2.2.3. Nếu hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay mà Khách hàng không sử dụng hoặc sử dụng không hết Hạn mức Cho vay thì Khách hàng không được tiếp tục sử dụng Hạn mức Cho vay.

2.2.4. Trường hợp hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay nhưng chưa hết Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng thì Khách hàng được chuyển giới hạn cho vay chưa sử dụng sang giới hạn của hình thức cấp tín dụng khác, nếu được Ngân hàng chấp thuận và phù hợp với quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

2.3. Đồng tiền cho vay:

Đồng tiền cho vay là: đồng Việt Nam.

Khách hàng được quyền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng nhiều đồng tiền khác nhau khi Ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Ngân hàng có quyền quy đổi trên danh nghĩa số tiền giải ngân về một đồng tiền theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi nhằm quản lý Hạn mức Cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều này.

2.4. Thời hạn Cho vay:

Thời hạn Cho vay của mỗi Khoản nợ tối đa là: 175 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

2.5. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

2.6. Mục đích sử dụng vốn vay:

Mục đích sử dụng vốn vay của Khách hàng là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gỗ

2.7. Rà soát lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:

2.7.1. Nếu Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay có thời hạn trên 01 (một) năm thì 01 (một) năm ít nhất 01 (một) lần Ngân hàng và Khách hàng thực hiện rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay.

2.7.2. Việc rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay phải thực hiện

xong trước ngày cuối cùng của thời hạn 01 (một) năm. Trong trường hợp này, Ngân hàng và Khách hàng phải ký một trong hai văn bản sau:

a) Văn bản xác nhận đã rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay, nếu sau khi rà soát, các bên thống nhất thỏa thuận không thay đổi Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này; hoặc

b) Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này nếu sau khi rà soát, các bên thống nhất thỏa thuận thay đổi Hạn mức Cho vay và/hoặc Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này.

Điều 3. Lãi suất cho vay

3.1. Lãi suất cho vay trong hạn[1]:

☒ Lãi suất cho vay là thỏa thuận được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

3.2. Lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn:

Mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn là: 150 % lãi suất cho vay trong hạn quy định tại khoản 3.1 Điều này kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Khách hàng trả hết Dư nợ gốc bị Quá hạn.

3.3. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

Mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là: 0 %/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3.4. Sự kiện Biến động Thị trường:

3.4.1. Khi có Sự kiện Biến động Thị trường theo quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Khách hàng biết lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ tính lãi bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Biến động Thị trường đó. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

3.4.2. Nếu Khách hàng có đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, các bên sẽ tổ chức đàm phán lãi suất cho vay mới trên cơ sở thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong thời gian đàm phán, lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất cho vay mà Ngân hàng đã thông báo đến Khách hàng khi có Sự kiện Biến động Thị trường. Nếu hai bên không thống nhất được lãi suất cho vay mới trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Khách hàng đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, Ngân hàng có quyền dừng việc giải ngân vốn cho vay và/hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ trước hạn.

Điều 4. Giải ngân vốn cho vay

4.1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn vay cho Khách hàng khi tất cả các điều kiện dưới đây đã được đáp ứng, trừ trường hợp Ngân hàng quyết định không áp dụng một số điều kiện nhất định đối với Khách hàng:

4.1.1. Mục đích giải ngân vốn vay của Khách hàng phải phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay quy định tại khoản 2.6 Điều 2 Hợp đồng này.

4.1.2. Khách hàng đề nghị giải ngân vốn cho vay không vượt quá Hạn mức Cho vay chưa sử dụng trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay.

4.1.3. Các văn bản khác có liên quan đến việc vay vốn có nội dung, hình thức, số lượng phù hợp với quy

[1] Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp.

định tại Hợp đồng Cấp tín dụng, quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.

4.1.4. Ngân hàng đã nhận được hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc giải ngân vốn vay phù hợp với quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng.

4.1.5. Các điều kiện khác:

[●] [*ghi các điều kiện khác theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nếu có*].

4.2. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:

Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm:

a) Bản gốc văn bản đề nghị giải ngân vốn cho vay trong trường hợp Khách hàng đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay có giá trị từ 05 (năm) tỷ quy đồng Việt Nam trở lên hoặc trong trường hợp Ngân hàng có yêu cầu;

b) Bản gốc Giấy nhận nợ;

c) Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;

d) [●] [*ghi các tài liệu khác tùy vào từng trường hợp cụ thể, nếu có*];

e) Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng và theo quy định tại Hợp đồng này.

4.3. Phương thức giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 5. Biện pháp bảo đảm tiền vay

5.1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

5.2. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này còn được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:

☒ Thế chấp tài sản là:

- Thế chấp tài sản là căn hộ chung cư tại thửa đất số: 8; tờ bản đồ số: 20 (phường Tân Phong), có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 764015, số vào sổ cấp GCN: CH 04891 do UBND Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013 mang tên Bà Tăng Mỹ Khanh theo hợp đồng thế chấp nhà ở số 2016/HĐTC/TMK.01 ký ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông bà Tan Hùng Siêu – Tăng Mỹ Khanh;
- Thế chấp tài sản là căn hộ chung cư tại thửa đất số: 301; tờ bản đồ số: 5,14 (tài liệu năm 2004), có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 847253, số vào sổ cấp GCN: CS03875/DA do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 07 năm 2016 mang tên Bà Tăng Mỹ Khanh theo hợp đồng thế chấp nhà ở số 2016/HĐTC/TMK.02 ký ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông bà Tan Hùng Siêu – Tăng Mỹ Khanh.
- Thế chấp tài sản là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số ..., tờ bản đồ số: ....., có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 4308/2000 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 05 năm 2000 mang tên bà Tăng Mỹ Khanh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 2016/HĐTC/TMK.03 ký ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông bà Tan Hùng Siêu – Tăng Mỹ Khanh.

Điều 6. Trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác

6.1. Trả nợ gốc:

Khách hàng phải trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

6.2. Trả Lãi tiền vay:

6.2.1. **Trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn:**

a) Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 07 (bảy) ngày được tính từ ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi) dưới đây:

☒ Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng.

b) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc thực tế nhân (x) số ngày vay thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

c) Vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ của từng Khoản nợ, Khách hàng phải trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi trên dư nợ gốc trong hạn của Khoản nợ đó.

6.2.2. **Trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn:**

a) Khách hàng phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.

b) Lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn được tính bằng (=) Dư nợ gốc bị Quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.3. **Trả lãi chậm trả:**

a) Khách hàng phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này.

b) Lãi chậm trả được tính bằng (=) số dư lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.4. Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ đó cho Ngân hàng.

6.3. Trả nợ trước hạn:

6.3.1. Khách hàng chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ nợ vay trước hạn nếu được Ngân hàng đồng ý.

6.3.2. Khách hàng phải trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng này.

6.3.3. Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ đó cho Ngân hàng.

6.4. Trả các loại phí:

6.4.1. Trường hợp phát sinh các nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

6.4.2. Trường hợp Khách hàng trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này, mức phí Khách hàng

phải trả cho Ngân hàng được xác định theo cách tính sau[2]:

☒ Phí trả nợ trước hạn bằng (=) 0 % nhân (x) số tiền trả nợ trước hạn.

6.4.3. Khách hàng phải trả phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu theo cách tính sau[3]:

☒ Phí cam kết rút vốn bằng (=) 0 % nhân (x) số tiền cam kết rút vốn.

6.4.4. Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc vay vốn theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

6.5. Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:

6.5.1. Nếu Khách hàng có nhu cầu Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ thì Khách hàng phải gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới đến Ngân hàng ít nhất [●] Ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ.

6.5.2. Nếu Khách hàng không gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới trong thời hạn quy định tại điểm 6.5.1 khoản 6.5 Điều này hoặc Ngân hàng không chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ theo đề nghị của Khách hàng thì Khách hàng phải trả nợ theo đúng thời hạn trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng này.

6.5.3. Trường hợp Ngân hàng chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ, Ngân hàng gửi thông báo bằng văn bản có các điều kiện của việc Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ để Khách hàng biết và thực hiện. Thông báo Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

6.6. Chuyển nợ quá hạn:

Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ theo quy định tại khoản 6.5 Điều này. Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn, trong đó có nội dung: số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn. Thông báo chuyển nợ quá hạn là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

6.7. Thứ tự ưu tiên thu nợ:

6.7.1. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng thu nợ đối với Khoản nợ của Khách hàng chưa bị quá hạn trả nợ theo thứ tự như sau[4]:

☒ (i) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn; (ii) Nợ gốc đến hạn[5]; (iii) Các loại phí; (iv) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

6.7.2. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng thu nợ đối với Khoản nợ của Khách hàng bị quá hạn trả nợ theo thứ tự như sau:

☒ (i) Nợ gốc bị quá hạn ; (ii) Nợ gốc đến hạn; (iii) Lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn; (iv) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn; (v) Lãi chậm trả; (vi) Các loại phí; (vii) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu

---

[2] Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp.
[3] Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp.
[4] Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp.
[5] Nợ gốc đến hạn là dư nợ gốc đến hạn trả nợ theo lịch trả nợ đã được thỏa thuận.

có).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ như sau:

7.1. Đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn vay theo các điều kiện, điều khoản quy định tại Hợp đồng này.

7.2. Trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng.

7.3. Đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này.

7.4. Sử dụng các Khoản nợ đúng mục đích quy định tại Hợp đồng này; Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng.

7.5. [●][6] [*ghi các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào từng trường hợp theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nếu có*]

7.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ như sau:

8.1. Từ chối yêu cầu vay vốn của Khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn hoặc nhu cầu vay vốn không phù hợp với quy định của pháp luật.

8.2. Từ chối tiếp tục giải ngân vốn cho vay khi đề nghị của Khách hàng không phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng, quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

8.3. Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này.

8.4. Thực hiện miễn, giảm Lãi tiền vay, phí, Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ cho Khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng, quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này

8.5. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách hàng theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng; yêu cầu Khách hàng thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, tài sản, doanh thu của Khách hàng hoặc thông tin về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến nợ vay hoặc tình hình thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng.

8.6. Trường hợp cho vay để thanh toán tiền nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Ngân hàng thực hiện phong tỏa số tiền giải ngân vốn cho vay tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật, hợp đồng cho vay và thỏa thuận khác có liên quan (nếu có) cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ bảo đảm[7].

8.7. [●] [*ghi các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào từng trường hợp theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nếu có*][8]

8.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và quy định của pháp luật.

Điều 9. Sự kiện Vi phạm và xử lý nợ vay

9.1. Sự kiện Vi phạm:

Sự kiện Vi phạm thực hiện theo quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

---

[6] Trường hợp không có các cam kết khác theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì bỏ khoản 7.5 Điều 7.

[7] Trường hợp hợp đồng cho vay không liên quan đến sản phẩm/chương trình của VCB về cho vay để thanh toán tiền nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì bỏ khoản 8.6 Điều 8.

[8] Trường hợp không có các cam kết khác theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì bỏ khoản 8.7 Điều 8.

9.2. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn:

9.2.1. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện Vi phạm quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

9.2.2. Khách hàng phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn quy định tại điểm 9.2.3 khoản 9.2 Điều này. Trường hợp Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.

9.2.3. Khi chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, trong đó có các nội dung: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

9.3. Xử lý nợ vay:

Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng toàn quyền chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng để xử lý nợ vay.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

10.1. Luật điều chỉnh:

Hợp đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

10.2. Giải quyết tranh chấp:

Việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này thực hiện theo quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

10.3. Phạt vi phạm:

10.3.1. Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng này đều phải chịu phạt vi phạm theo mức phạt vi phạm quy định tại điểm 10.3.2 khoản 10.3 Điều này.

10.3.2. Mức phạt vi phạm Hợp đồng này là: 8 % giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm.

10.3.3. Việc phạt vi phạm quy định tại khoản 10.3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại các điểm 6.2.2 và điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

10.4. Bồi thường thiệt hại:

10.4.1. Bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng: Khách hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng trong trường hợp Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Ngân hàng. Việc Bồi thường thiệt hại (nếu có) không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại các điểm 6.2.2 và điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

10.4.2. Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng: Ngân hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Khách hàng trong trường hợp Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Khách hàng.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

11.1. Tính thống nhất:

Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cấp tín dụng. Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ thỏa thuận giữa các bên.

11.2. Cam đoan của Khách hàng:

Vào ngày ký kết Hợp đồng này, Khách hàng cam đoan như sau:

11.2.1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích quy định tại khoản 2.6 Điều 2 Hợp đồng này.

11.2.2. Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính Lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định Khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay; thông tin về hợp đồng theo mẫu; và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

11.2.3. Các cam đoan khác:

[•] [*ghi các cam đoan khác tùy vào từng trường hợp theo văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nếu có*].

11.3. Hiệu lực:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày dưới đây cho đến sau khi hết Thời Hạn Duy trì Hạn mức Cho vay và Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng theo Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

☒ Ngày ký Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ 02 bản và Khách hàng giữ 01 bản.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, người đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

NGÂN HÀNG	**KHÁCH HÀNG**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu nếu có)*
M.S.C.N: 0100112437-054 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC HÀ TĨNH - TX. HỒNG LĨNH - T. HÀ TĨNH	S.Đ.K.K.D: 0303574853-C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ TRƯỜNG THẮNG - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Lâm Cường	Trần Hùng Siêu